

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-03-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lê Anh Đức và bà Nguyễn Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Bắc H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm 6, xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (có mặt)

- Bị đơn: Chị Trương Thị Y, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm 6, xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Võ Thị Yêm, sinh năm 1947; nơi cư trú: Xóm 6, xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (có mặt).

Anh Trần Đức Hạnh, sinh năm 1976; nơi cư trú: Xóm 6, xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (xin vắng mặt).

Anh Trần Quang Tuyên, nơi cư trú: Thôn Ea duất, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (xin vắng mặt).

Trần Thị Hồng Duyên, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 2, ấp Tân Phú, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 01 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Bắc H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị Y đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Thành vào ngày 23 tháng 02 năm 2007.

Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau không ai, lừa dối, ép buộc.

Sau khi kết hôn, Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn cho đến nay.

Nguyên nhân: Do tính tình vợ chồng không hợp nhau, xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân và cắt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2009 đến nay.

Sự việc xảy ra đã được hai gia đình hòa giải nhưng không thành.

Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được Anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Trần Ngọc Bảo Hà, sinh ngày 22/05/2007. Chị Yến đang nuôi dưỡng con, con khỏe mạnh.

Nếu ly hôn, Anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị Yến cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: gồm 01 nhà cấp bốn 03 gian; 01 nhà bếp; 01 nhà tắm; 01 bể nước; 01 bồn nước; sân; bờ bao; cổng và tiền công, chi phí tôn tạo đất là 30.000.000 đồng.

Năm 2012 bố mẹ của Anh là ông Trần Văn Thịnh và bà Võ Thị Yên cho vợ chồng mượn một phần thửa đất số 15, vị trí: xóm 6, xã Đức Thành, huyện Yên Thành để xây dựng nhà ở tạm. Sau khi bố mẹ cho mượn đất, vợ chồng đã xây dựng các công trình như trên.

Tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nhưng do chị Yến bỏ tiền ra xây dựng, Anh không đóng góp được gì về tài chính cũng như công sức.

Nay ly hôn, Anh tự nguyện giao toàn bộ tài sản trên cho chị Yến sở hữu vì tài sản do công sức, tài chính của chị Yến bỏ ra.

Vợ chồng trả lại phần đất sử dụng trên cho Bố, Mẹ Anh.

- Về nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Tại bản tự khai đề ngày 01 tháng 03 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trương Thị Y trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Bắc H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Thành vào ngày 23 tháng 02 năm 2007.

Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau không ai, lừa dối, ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2012 vợ chồng sống ly thân, cắt mọi quan hệ tình cảm cho đến nay.

Nguyên nhân: Anh Hải sống không chung thủy, quan hệ bất chính, ngoại tình với phụ nữ khác và đã có con riêng.

Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Tuy nhiên anh Hải xin ly hôn thì Chị không nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Trần Ngọc Bảo Hà, sinh ngày 22/05/2007. Chị đang nuôi dưỡng.

Nếu ly hôn, Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và yêu cầu anh Hải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, trong thời kì hôn nhân, Chị có xây dựng được 01 nhà cấp bốn 03 gian; 01 nhà bếp; 01 nhà tắm; 01 bể nước; 01 bồn nước; sân; bờ bao; cổng và tiền công, chi phí tôn tạo đất là 30.000.000 đồng. Tài sản được xây dựng trên thửa đất của Bố, Mẹ anh Hải. Chi phí làm nhà do chị tự bỏ ra, anh Hải không đóng góp gì.

Nay ly hôn, Chị có nguyện vọng giao toàn bộ tài sản trên cho anh Hải sở hữu và anh Hải có nghĩa vụ giao toàn bộ giá trị tài sản trên là 500.000.000 đồng cho Chị. Chị trả lại đất cho Bố, Mẹ anh Hải.

- Về nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Tại bản tự khai đề ngày 22 tháng 03 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Yên trình bày:

Vợ chồng bà có 01 thửa đất số 15, diện tích 2165,1 m², vị trí: Xóm Đức Liên (nay là xóm 6), xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Năm 2012 Bà cho vợ chồng anh Hải, chị Yến mượn 01 phần thửa đất trên làm nhà ở tạm để sinh hoạt.

Nay anh Hải, chị Yến ly hôn thì Bà yêu cầu anh Hải, chị Yến trả lại thửa đất mượn trên cho Bà.

Nếu tài sản giao cho anh Hải sở hữu thì bà tiếp tục cho anh Hải mượn đất sử dụng.

Tại bản tự khai đề ngày 22 tháng 03 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đức Hạnh trình bày:

Bố mẹ Anh có 01 thửa đất số 15, diện tích 2165,1 m², vị trí: Xóm Đức Liên (nay là xóm 6), xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Năm 2002 thì bố Anh chết.

Năm 2012 mẹ Anh cho vợ chồng anh Hải, chị Yến mượn 01 phần thửa đất trên để làm nhà ở, sinh hoạt.

Nay vợ chồng anh Hải, chị Yến ly hôn thì Anh yêu cầu vợ chồng anh Hải, chị Yến trả lại thửa đất mượn trên cho bố mẹ Anh.

Nếu tài sản giao cho anh Hải sở hữu thì Anh nhất trí như mẹ Anh là tiếp tục cho anh Hải mượn đất sử dụng.

Tại bản trình bày đề ngày 24 tháng 03 năm 2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Quang Tuyên trình bày:

Năm 1993 bố anh là Trần Văn Thịnh, mẹ là Võ Thị Yêm có mua 01 thửa đất tại cầu Đồng Hương, xóm Đức Liên, xã Đức Thành. Năm 2012 Mẹ Anh cho vợ chồng anh Trần Bắc H và chị Trương Thị Y mượn một phần đất để làm nhà ở tạm.

Nay anh Hải, chị Yến ly hôn. Anh đề nghị vợ chồng anh Hải, chị Yến trả lại đất cho mẹ Anh là bà Võ Thị Yêm để bà toàn quyền quyết định.

Tại bản trình bày đề ngày 24 tháng 03 năm 2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Hồng Duyên trình bày:

Bố mẹ Chị có 01 thửa đất tại cầu Đồng Hương, xóm Đức Liên, xã Đức Thành mang tên bố Trần Văn Thịnh và mẹ là Võ Thị Yêm.

Năm 2012 Mẹ Chị cho anh Hải, chị Yến mượn đất và xây dựng căn nhà cấp 4 ba gian để ở tạm.

Nay anh Hải, chị Yến ly hôn. Chị đề nghị thu hồi lại mảnh đất trên cho mẹ Chị là bà Võ Thị Yêm để Bà toàn quyền quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]Về tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đức Hạnh, anh Trần Quang Tuyên và chị Trần Thị Hồng Duyên đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét

xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về Hôn nhân: Anh Trần Bắc H và chị Trương Thị Y được Ủy ban nhân dân xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2007 ngày 23 tháng 02 năm 2007, thủ tục, điều kiện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh Hải ngoại tình. Vợ chồng sống ly thân, cắt mọi quan hệ từ năm 2012 đến nay.

Ủy ban nhân dân xã Đức Thành đã xác nhận tình trạng hôn nhân và con chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải vận động anh Hải về đoàn tụ gia đình nhưng không thành.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Hải đã thỏa mãn những căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đủ cơ sở chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về việc nuôi con: Vợ chồng có 01 con là Trần Ngọc Bảo Hà, sinh ngày 22/05/2007. Cháu khỏe mạnh và chị Yến đang nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Hải và chị Yến đều có nguyện vọng được nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Yến đang trực tiếp nuôi dưỡng con và con có nguyện vọng được ở với mẹ; chị Yến có nguyện vọng được nuôi dưỡng con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con nên giao con cho chị Yến trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật. Không chấp nhận nguyện vọng của anh Hải được nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Chị Yến và anh Hải thỏa thuận cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[5] Về chia tài sản chung: Tài sản chung gồm 01 nhà cấp bốn 03 gian; 01 nhà bếp; 01 nhà tắm; 01 bể nước; 01 bồn nước; sân; bờ bao; cổng và tiền công, chi phí tôn tạo đất là 30.000.000 đồng. Tài sản được xây dựng trên thửa đất của Bố, Mẹ anh Hải.

Theo chị Yến tài sản trên là do Chị tạo lập, anh Hải không đóng góp gì nên đó là tài sản riêng của Chị. Nay ly hôn Chị giao toàn bộ tài sản cho anh Hải sở hữu và anh Hải phải giao giá trị tài sản cho Chị là 200.000.000 đồng.

Anh Hải thống nhất tài sản trên là của chị Yến. Nay ly hôn Anh nhận sở hữu toàn bộ tài sản của chị Yến và anh giao giá trị tài sản theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Hải, chị Yến tự nguyện thỏa thuận tài sản trên là tài sản riêng của chị Yến và giao tài sản cho anh Hải sở hữu, anh Hải giao giá trị tài sản cho chị Yến nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là “tài sản riêng của chị Yến và giao anh Hải sở hữu, anh Hải giao giá trị tài sản cho chị Yến theo pháp luật”.

Về giá trị tài sản: Theo biên bản định giá tài sản ngày 17/03/2022, tài sản có giá trị là 52.237.842 đồng và anh Hải, chị Yến thỏa thuận tiền mua đất tôn tạo là 30.000.000 đồng. Vậy tổng giá trị tài sản là 82.237.842 đồng; Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị Yến giá trị tài sản là 200.000.000 đồng.

Về tiền hộ trợ: Anh Hải tự nguyện hộ trợ chị Yến tạo lập nơi ở mới là 40.000.000 đồng. Chị Yến đồng ý nhận số tiền anh Hải hộ trợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận “anh Hải hộ trợ chị Yến 40.000.000 đồng”.

Vậy tổng số tiền anh Hải phải giao cho chị Yến là 122.237.842 đồng.

Tài sản được tọa lạc trên thửa đất của Bố, Mẹ anh Hải nay vợ chồng anh Hải, chị Yến ly hôn nên bà Yêm và các con “anh Hạnh, anh Tuyên, chị Duyên” yêu cầu trả lại đất. Nếu tài sản giao cho anh Hải sở hữu thì bà Yêm và các con của bà tiếp tục cho anh Hải mượn đất để sử dụng.

[6] Về nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

[7] Về chi phí tố tụng: Anh Hải tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng nên chị Yến không phải chịu tiền chi phí tố tụng.

[8] Về án phí: Anh Hải phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Chị Yến phải chịu tiền án phí chia tài sản là $122.237.842 \text{ đồng} \times 5\% = 6.111.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 157, 165; khoản 1 Điều 273; khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Bắc H.

1. Về Hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Bắc H và chị Trương Thị Y.
2. Về nuôi con:

Giao con Trần Ngọc Bảo Hà, sinh ngày 22/05/2007 cho chị Trương Thị Y tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hải có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con:

Anh Trần Bắc H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mỗi tháng 2.000.000,00 (Hai triệu) đồng, kể từ tháng 04 năm 2022 đến khi con thành niên. Tiền cấp dưỡng giao cho chị Trương Thị Y quản lý.

Anh Hải, chị Yên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con trên cơ sở lợi ích của con.

4. Về chia tài sản:

Giao anh Hải sở hữu 01 nhà cấp bốn 03 gian; 01 nhà bếp; 01 nhà tắm; 01 bể nước; 01 bồn nước; sân; bờ bao; công tọa lạc trên thửa đất số 15, vị trí: Xóm 6, xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Chị Yên có nghĩa vụ giao tài sản cho anh Hải.

Anh Hải phải giao tiền giá trị tài sản và tiền hỗ trợ cho chị Trương Thị Y là 122.237.842,00 (một trăm hai mươi hai triệu, hai trăm ba bảy nghìn, tám trăm bốn hai) đồng. Chị Yên được nhận 122.237.842 đồng anh Hải giao.

5. Án phí: Anh Trần Bắc H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011077 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Anh Trần Bắc H phải nộp tiếp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

Chị Trương Thị Y phải chịu tiền án phí chia tài sản sơ thẩm là 6.111.000 (sáu triệu, một trăm mười một nghìn) đồng.

5. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ